TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 34/2018/HS-ST Ngày 21/11/2018	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

***Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thế Chiến.

Ông Nguyễn Quang Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 35/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Huỳnh Đ, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1982 tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn 1, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 4/12; con ông Huỳnh H, sinh năm 1956 và bà Văn Thị Đ1 (đã chết). Bị cáo có vợ là Doãn Thị H1, sinh năm 1983 và 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2005, hiện trú tại thôn 1, xã Q, huyện K, tỉnh Đăk Lăk; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/8/2018 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân: Ngày26/6/2014 bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 04/3/2015 chấp hành xong hình phạt.

Người bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1992. Có mặt.

2. Chị Dương Thị T, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn 3, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người làm chứng:

1. Bà Mai Thị H2, sinh năm 1964. Vắng mặt

2. Ông Nguyễn Văn K1, sinh năm 1964. Có mặt

Cùng trú tại thôn 3, xã Q, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02 giờ ngày 07/8/2018, muốn có tiền tiêu xài nên Huỳnh Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Biết chị Dương Thị T làm dịch vụ gia chánh có tiền và đang ở nhà ông Dương Ngọc A, bà Lê Thị T1 (ông A, bà T1 là bố, mẹ của chị T) tại thôn 2, xã Q, huyện K, nên Đ đi bộ từ nhà đến nhà ông A. Đến nơi Đ đi ra phía sau nhà thấy cửa sau không khóa nên mở cửa đi vào trong nhà bếp rồi vào phòng khách để tìm tài sản nhưng không thấy gì, Đ quay lại phòng ngủ giáp với nhà bếp thấy phòng ngủ cửa được làm bằng gỗ đã bị hỏng khóa, chỉ cài bằng móc quần áo bằng kim loại, Đ thò tay qua lỗ ổ khóa mở cửa đi vàophòng ngủ, thấy chị Dương Thị T đang ngủ ở trong phòng, Đ lục tìm tài sản thì lấy được 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 gắn thẻ sim 0944.100.065, 01 cục sạc dự phòng màu vàng gold hiệu Esaver model Y323 cùng dây xạc và 01 nhẫn kim loại màu vàng có gắn viên đá màu đỏ hình con tì hưu của chị T để trên giường.

Sáng hôm sau chị Dương Thị T phát hiện bị mất tài sản, qua kiểm tra Camera đã xác định được người thực hiện hành vi phạm tội nên chị T đã trình báo Công an huyện K. Ngày 07/8/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện K tiến hành bắt và khám xét khẩn cấp nhà Huỳnh Đ đã thu giữ được: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7 gắn thẻ sim 0944.100.065 có ốp lưng nhựa màu đỏ, 01 cục sạc dự phòng màu vàng gold hiệu Esaver model Y323 cùng dây xạc, và 01 nhẫn kim loại màu vàng có gắn viên đá màu đỏ hình con tì hưu, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu bạc.

Qua đấu tranh Huỳnh Đ còn khai nhận: Vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 18/4/2018, Huỳnh Đ đi bộ đến nhà bà Mai Thị H2, trú tại thôn 3, xã Q, huyện K, tỉnh Đăk Lăk để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà bà H2, Đ leo qua tường rào đi ra phía sau nhà thì thấy cửa khóa chốt bên trong, cánh cửa đã bị hoen rỉ, hở ra, Đ dùng tay kéo tấm kim loại ở cửa ra thì các con ốc vít dùng để cố định tấm kim loại với khung cửa bị rơi ra. Sau đó Đ thò tay vào phía bên trong kéo chốt mở cửa ra, Đ vào nhà rồi đi vào phòng ngủ, thấy chị Nguyễn Thị C (là còn gái bà H2) đang nằm ngủ, bên cạnh để một túi xách da màu đỏ. Đ chồm qua người chị C lấy túi xách thì chị C tỉnh dậy và giữ

lại được dây quai của túi xách đồng thời hét lên "*Á, á*". Bị chị C phát hiện giữ chặt quai túi xách thì Đ cầm phần thân túi giật mạnh làm đứt quai túi rồi cầm túi xách nhanh chóng tẩu thoát. Đ chạy về nghĩa địa thôn 2, xã Q, huyện K lục tìm lấy từ trong túi xách 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu bạc imei 354409068888968, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia Z màu đen và số tiền 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng), sau đó vứt túi xách vào trong bụi cây gần đó rồi đi bộ về nhà ngủ. Đ cất dấu chiếc điện thoại Iphone 6 ở trong phòng ngủ, còn điện thoại Sony Xperia Z Đ sử dụng nhưng đã làm mất.

Hội đồng định giá tài sản huyện K, tỉnh Đăk Lăk kết luận:

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu bạc, imei 354409068888968 có giá trị 3.200.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia Z màu đen có trị giá 800.000 đồng.

01 túi xách da màu đỏ kích thước khoảng (30 x 20) cm, chiều rộng đáy khoảng 10 cm và nhỏ hẹp dần về phía miệng túi có trị giá 90.000 đồng.

01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F7, Imei 1: 869604030958135, Imei 2: 869604030958127 có gắn kính cường lực có trị giá 7.650.000 đồng;

01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa màu đỏ có trị giá 45.000 đồng;

01 thẻ sim thuê bao 0944.100.065 có trị giá 65.000 đồng;

01 cục sạc dự phòng màu vàng gold hiệu Esaver model Y323 có trị giá 315.000 đồng;

01 dây sạc điện loại màu trắng loại sạc dành cho dòng máy OPPO có trị giá 72.000 đồng;

01 (một) nhẫn kim loại màu vàng có gắn viên đá màu đỏ hình con tì hưu có trị giá 160.000 đồng.

Qua trình điều tra thu giữ được: 01 dây đeo túi xách bằng da màu đỏ, phần cuối hai đầu dây bị đứt.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia Z màu đen, 01 túi xách da, quá trình điều tra không thu giữ được.

Tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo Huỳnh Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị C trình bày: Yêu cầu bị cáo Huỳnh Đ phải bồi thường số tài sản không thu hồi được gồm: 01 túi xách bằng da, trị giá 90.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia Z màu đen, trị giá 800.000 đồng và 700.000 đồng tiền mặt.

Cáo trạng số 35/CT-VKS-HS ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Huỳnh Đ về tội "Cướp giật tài sản" theo khoản 1

Điều 171 và tội "trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, luận tội và tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 171; khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, tuyên bố bị cáo Huỳnh Đ phạm tội "Cướp giật tài sản" và tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Huỳnh Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản";

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Huỳnh Đ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản".

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 03 năm đến 04 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Đêm ngày 07/8/2018 lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của chị Dương Thị T trị giá 8.307.000 đồng; Qua đấu tranh của Cơ quan Điều tra bị cáo còn thừa nhận vào khoảng 1giờ 30 phút ngày 18/4/2018 bị cáo đã đột nhập vào nhà bà Mai Thị H2 mục đích trộm cắp tài sản, khi vào phòng ngủ của chị Nguyễn Thị C, thấy chị C đang ngủ, bên cạnh có chiếc túi xách da màu đỏ, bị cáo chồm qua người chị C để lấy chiếc túi thì chị C bừng tỉnh tay giữ chặt quai túi, bị cáo dùng tay nắm phần thân túi giật mạnh làm đứt quai túi mà chị C đang cầm rồi nhanh chóng tẩu thoát, chiếm đoạt tài sản của chị C tổng trị giá 4.790.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Huỳnh Đ phạm tội *"Cướp giật tài sản"* theo khoản 1 Điều 171 và tội "*Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 171 của Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm".

Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

"*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của người khác, đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người hoàn toàn bình thường về trí lực, buộc phải biết tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đều bị pháp luật nghiêm trị, nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài không phải bằng sức lao động của bản thân, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp và cướp giật tài sản. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội gây thiệt hại không lớn, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 mà bị cáo được hưởng khi lượng hình.

Về nhân thân: Năm 2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", năm 2015 chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo không lấy đó là bài học để tu dưỡng, sửa chữa bản thân mà tiếp tục phạm tội. Vì vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tiếp tục giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung.

Bị cáo phạm nhiều tội được xét xử cùng một lần. Cần căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Cần buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị C giá trị tài sản không thu hồi được, tổng số tiền là 1.590.000 đồng (gồm 01túi xách da trị giá 90.000 đồng, một điện thoại di động hiệu Sony Xperia Z trị giá 800.000 đồng và 700.000 đồng tiền mặt).

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 quai túi xách màu đỏ.

(*vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana với Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana ngày 05/11/2018*).

[5] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 171 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Đ phạm tội "*Cướp giật tài sản"* và tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt Huỳnh Đ 02 (*hai*) năm tù về tội "*Cướp giật tài sản*".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt Huỳnh Đ 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự 2015.

Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội "*Cướp giật tài sản*" và tội "*Trộm cắp tài sản*" là 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 07/8/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Huỳnh Đ phải bồi thường cho chị Nguyễn thị C số tiền 1.590.000 đồng (*một triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng*).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01quai túi xách màu đỏ.

(*vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K với Chi cục thi hành án dân sự huyện K ngày 05/11/2018*).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Huỳnh Đ phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐăkLăk;
- VKSND huyện;
- CA huyện;
- THAHS; THADS;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu hồ sơ; Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
PHẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Tân